

Số/ No: 08483.2505/KQ-VTT
Mã số/ Code: KH.3208 2505
Mã số mẫu/ Sample code: PTN.08231 2505
Trang/ Page: 1/ 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TESTING REPORT

Tên khách hàng/ Client : CÔNG TY TNHH 2G
Địa chỉ/ Address : 44/3, Yên Đỗ, phường 1, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 09/05/2025 Thời gian phân tích/ Time of analysis: 09-15/05/2025
Ngày trả kết quả/ Date of issue : 16/05/2025
Loại mẫu/ Kind of sample : Thực phẩm Số lượng mẫu/ Quantity of sample: 250g/hũ x 1 hũ
Tên mẫu/ Name of sample : KHÔ GÀ CAY
Tình trạng mẫu / State of sample : Mẫu đóng hũ nhựa kín có nhãn rõ ràng

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*)	TCVN 4884 - 1:2015; ISO 4833 – 1:2013/AMD 1:2022	4,9x10 ²	CFU/g
2	Coliforms (*)	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	< 10	CFU/g
3	Escherichia coli (*)	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	< 10	CFU/g
4	Staphylococcus aureus (*)	AOAC 975.55	< 10	CFU/g
5	Clostridium perfringens (*)	TCVN 4991:2005	< 10	CFU/g
6	Listeria monocytogenes (*)	ISO 11290-2:2017	Không phát hiện	trong 25g
7	Salmonella (*)	TCVN 10780-1: 2017; ISO 6579-1:2017/AMD1:2020	Không phát hiện	trong 25g
8	Cadmi (Cd) (*)	AOAC 999.11	Không phát hiện (LOD=0,0015)	mg/kg
9	Chì (Pb) (*)	AOAC 999.11	Không phát hiện (LOD=0,01)	mg/kg
10	Aflatoxin tổng (B1,B2,G1,G2) (*)	SOP.01- 362:2022 (Ref. AOAC 991.31)	Không phát hiện (LOD=0,5)	µg/kg

PTN được chỉ định bởi/ Lab. designated by: Bộ Y Tế - Cục An toàn Thực phẩm/ Ministry of Health - Agency of Food Safety; Bộ NN&PTNT - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ Ministry of Agriculture - National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department; Bộ Công Thương/ Ministry of Industry and Trade of The Socialist Republic of Vietnam.

No. Document: QTCL-13/BM02
Version: 10
Date of issue: 15/11/2024

SỰ KHÁC BIỆT TỪ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHUYÊN MÔN
MAKING DIFFERENCES FROM QUALITY OF SERVICES AND KNOWLEDGE

Số/ No: 08483.2505/KQ-VTT
Mã số/ Code: KH.3208 2505
Mã số mẫu/ Sample code: PTN.08231 2505
Trang/ Page: 2/ 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TESTING REPORT

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT
11	Aflatoxin B1 (*)	SOP.01- 362:2022 (Ref. AOAC 991.31)	Không phát hiện (LOD=0,2)	µg/kg

Ghi chú/ Notes:

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.
Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.
Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.
LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection.
(*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)
(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

ThS. Huỳnh Ngọc Trường



GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

ThS. Nguyễn Văn Tâm

